

Số: 24 /KH-UBND

Nghi Xuân, ngày 22 tháng 02 năm 2019

KẾ HOẠCH

Rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn huyện năm 2019

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh về Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh năm 2019; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2019 của UBND huyện về Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh năm 2019; UBND huyện xây dựng Kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên địa bàn huyện năm 2019, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã nhằm kịp thời phát hiện và đề xuất, kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định về thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC không cần thiết, không phù hợp, không bảo đảm tính hợp pháp, các thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC còn rườm rà, phức tạp, mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức kinh tế và người dân; góp phần cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của huyện nhà.

Rà soát, đánh giá để hoàn thiện các nội dung quy định về thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC, đồng thời nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức; coi việc rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện TTHC là nhiệm vụ thường xuyên của từng cơ quan, địa phương và của mỗi cán bộ, công chức, viên chức khi được phân công tiếp nhận, giải quyết TTHC.

2. Yêu cầu

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trực tiếp chỉ đạo sâu sát, quyết liệt công tác rà soát, đánh giá, cắt bỏ các thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC tại cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch này và kế hoạch của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Việc rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC phải được thực hiện đúng phương pháp, đúng quy trình quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

Kết quả rà soát, đánh giá của các đơn vị, địa phương phải có những kiến nghị cụ thể, thiết thực đối với các thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC và xác định rõ văn bản quy phạm pháp luật cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC.

II. PHẠM VI RÀ SOÁT

Thực hiện rà soát các thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, công khai đang còn hiệu lực thi hành thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã trên địa bàn huyện được đưa vào rà soát năm 2019 tại Phụ lục V (có kèm theo Kế hoạch này).

Trong quá trình thực hiện rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC theo kế hoạch của các đơn vị, địa phương, nếu phát hiện TTHC, quy định hành chính khác có vướng mắc, bất cập, khó thực hiện thì các đơn vị, địa phương chủ động bổ sung vào kế hoạch rà soát của đơn vị, địa phương và tổng hợp kết quả vào báo cáo chung.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nội dung rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC

Kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC phải xác định rõ nội dung, yêu cầu rà soát; xác định cụ thể tên TTHC, quy định về thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện để thực hiện có liên quan được rà soát; cơ quan thực hiện (phân công các phòng, ban, đơn vị thực hiện rà soát; giao trách nhiệm đầu mối tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát); căn cứ lựa chọn; xác định rõ các chỉ tiêu định lượng cụ thể về tỷ lệ cắt giảm về thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện, chi phí cắt giảm khi thực hiện TTHC.

Việc xác định các thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC đưa vào Kế hoạch rà soát phải căn cứ vào danh mục, nội dung TTHC đang thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Quy trình xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC

Cán bộ, công chức đầu mối kiểm soát TTHC của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND các xã, thị trấn tham mưu giúp lãnh đạo cơ quan, đơn

vị, địa phương ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC theo Phụ lục V (ban hành kèm theo Kế hoạch này).

Kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND các xã, thị gửi về UBND huyện (qua Văn phòng HĐND-UBND huyện) trước ngày **06/3/2019** để tổng hợp, theo dõi và báo cáo Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh theo quy định.

3. Thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC

Cán bộ, công chức các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND các xã, thị trấn tiến hành rà soát, tính toán chi phí tuân thủ TTHC mà mình trực tiếp giải quyết theo hướng dẫn tại Điều 25, Điều 27, sử dụng Biểu mẫu rà soát, đánh giá TTHC và hướng dẫn trả lời tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ để thực hiện đối với những thủ tục đưa vào Kế hoạch rà soát, đánh giá (có kèm theo mẫu Phụ lục VII).

Lưu ý: 01 Phụ lục VII sẽ dùng để rà soát 01 thủ tục hành chính mà các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND các xã, thị trấn đã đưa vào để rà soát tại Phụ lục V, ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu và đóng dấu treo của đơn vị, địa phương chủ trì rà soát theo quy định.

Cán bộ, công chức đầu mối kiểm soát TTHC cấp huyện và cấp xã phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, bộ phận liên quan thực hiện việc rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC và giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, cung cấp đầy đủ các tài liệu, biểu mẫu rà soát, hướng dẫn cách thức rà soát, tổng hợp phương án đơn giản hoá các thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC của các phòng, ban, bộ phận có liên quan, xây dựng báo cáo kết quả rà soát chung theo mẫu tại Phụ lục VI, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ (có kèm theo mẫu Phụ lục VI).

Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tổ chức họp nội bộ cơ quan, đơn vị để thống nhất kết quả rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC: Nội dung phương án đơn giản hóa và các sáng kiến cải cách TTHC; lý do; chi phí cắt giảm khi đơn giản hóa; kiến nghị thực thi.

Quy trình tổng hợp báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, tổng hợp và gửi báo cáo kết quả về UBND cấp huyện (qua Văn phòng HĐND-UBND huyện).

- Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

và tổng hợp chung với kết quả rà soát của UBND cấp xã, gửi báo cáo về Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh theo dõi, tổng hợp; đồng thời phân loại theo lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý từng sở, ngành báo cáo kết quả về sở, ngành để tổng hợp, đánh giá kết quả rà soát.

Gửi kết quả rà soát và biểu mẫu rà soát, đánh giá đã được Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn phê duyệt về UBND huyện (qua Văn phòng HĐND-UBND huyện) trước ngày 04/7/2019 để tổng hợp, báo cáo Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các phòng, ban cấp huyện và UBND các xã, thị trấn

Trên cơ sở kế hoạch này, xây dựng kế hoạch rà soát cụ thể của đơn vị mình gửi về UBND huyện (qua Văn phòng HĐND-UBND huyện) trước ngày 06 tháng 3 năm 2019 để tổng hợp, theo dõi tiến độ triển khai thực hiện và báo cáo Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

Lưu ý: Kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND các xã, thị trấn ở đây gồm Kế hoạch lời và Kế hoạch biểu theo Phụ lục V, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về tiến độ thực hiện, chất lượng kết quả rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC và các quy định có liên quan.

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm triển khai thực hiện rà soát những TTHC thuộc đơn vị mình.

Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC về UBND huyện (qua Văn phòng HĐND-UBND huyện, cơ quan thường trực) trước ngày 04 tháng 07 năm 2019.

Lưu ý: Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND các xã, thị trấn ở đây gồm Phụ lục VI và Phụ lục VII, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ đã được gửi kèm trong Kế hoạch này.

2. Văn phòng HĐND-UBND huyện

Chịu trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện rà soát theo đúng Kế hoạch đã ban hành; kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND huyện về tình hình thực hiện Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương để có biện pháp xử lý.

Tiến hành kiểm tra, xác nhận chất lượng các biểu mẫu, báo cáo; Tổng hợp, nghiên cứu, phân tích kết quả rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC, các sáng kiến cải cách TTHC của các phòng, ban cấp huyện và UBND các xã, thị trấn hoàn thành **trước ngày 10 tháng 7 năm 2019**.

Trực tiếp tham vấn ý kiến của các bên có liên quan và tổ chức rà soát độ lặp đối với các thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC có phạm vi tác động lớn.

Hoàn thiện báo cáo của UBND huyện về kết quả rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC, các sáng kiến cải cách TTHC, quy định liên quan gửi Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Phòng Nội chính - Pháp chế tỉnh hoàn thành **trước ngày 15 tháng 7 năm 2019**.

Tham mưu UBND huyện thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC năm 2019 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính. Mức chi cho hoạt động rà soát được áp dụng theo quy định tại Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND tỉnh.

Được bố trí từ nguồn ngân sách của các đơn vị, địa phương để thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC. Các đơn vị, địa phương được huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp khác (nếu có) để hỗ trợ hoạt động rà soát TTHC theo Kế hoạch này.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh, đề xuất hướng xử lý gửi về UBND huyện (qua Văn phòng HĐND-UBND huyện) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Phòng Nội chính - Pháp chế;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT;
- Gửi: Văn bản giấy và điện tử./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Việt Hùng



Phụ lục V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 22/02/2019 của UBND huyện)

| STT | Tên/nhóm Thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện rà soát | | Thời gian thực hiện rà soát | |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------|------------|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Bắt đầu | Hoàn thành |
| A | Cấp huyện | | | | | |
| I | Nhóm TTHC, quy định có liên quan về ngành Tư pháp | | | | | |
| 1 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | Hộ tịch | Phòng Tư pháp | Công an huyện; Văn phòng HĐND-UBND huyện | 25/02/2019 | 04/7/2019 |
| 2 | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | Hộ tịch | Phòng Tư pháp | Công an huyện; Văn phòng HĐND-UBND huyện | 25/02/2019 | 04/7/2019 |
| II | Nhóm TTHC, quy định có liên quan về ngành Thanh tra | | | | | |
| 3 | Giải quyết tố cáo | Tố cáo | Phòng Thanh tra | Ban Tiếp công dân; Văn phòng HĐND-UBND huyện | 25/02/2019 | 04/7/2019 |

| STT | Tên/nhóm Thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện rà soát | | Thời gian thực hiện rà soát | |
|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------|------------------------|-----------------------------|------------|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Bắt đầu | Hoàn thành |
| B | Cấp xã | | | | | |
| | <i>Nhóm TTHC, quy định có liên quan về ngành Tư pháp</i> | | | | | |
| 4 | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | Hộ tịch | UBND các xã, thị trấn (Bộ phận Tư pháp) | Văn phòng xã, thị trấn | 07/3/2018 | 04/7/2019 |
| 5 | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi | Hộ tịch | UBND các xã, thị trấn (Bộ phận Tư pháp) | Văn phòng xã, thị trấn | 07/3/2018 | 04/7/2019 |
| 6 | Đăng ký khai tử | Hộ tịch | UBND các xã, thị trấn (Bộ phận Tư pháp) | Văn phòng xã | 07/3/2018 | 04/7/2019 |
| Tổng cộng: 06 thủ tục. Trong đó: Cấp huyện 03 thủ tục; Cấp xã 03 thủ tục | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Phụ lục VI

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:...../BC-...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 22/02/2019 của UBND huyện)

I. LĨNH VỰC

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a).....

Lý do:.....

b).....

Lý do:.....

Lưu ý: Phải xác định rõ các nội dung đơn giản hóa thuộc thẩm quyền và nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền xử lý (thông qua ký hiệu riêng).

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.

2. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a).....

Lý do:.....

b).....

Lý do:.....

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.

.....

II. LĨNH VỰC.....

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a).....

Lý do:.....

b).....

Lý do:.....

Lưu ý: Phải xác định rõ các nội dung đơn giản hóa thuộc thẩm quyền và nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền xử lý (thông qua ký hiệu riêng).

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.

.....

Nơi nhận:

- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
-
- Lưu:.....
- Gửi: Văn bản giấy và điện tử./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục VII

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 22/02/2019 của UBND huyện)

| | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I. THÔNG TIN CHUNG | |
| 1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC) | |
| 2. Lĩnh vực | |
| 3. Văn bản quy định về TTHC | |
| 4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát | |
| II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | |
| 1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì? | a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1:..... Mục tiêu a.n:..... b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1:..... Mục tiêu b.n:..... |
| 2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng? | a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: - Mục tiêu a.n: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: |

| | |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | <p>- Mục tiêu b.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Mục tiêu b.n: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>b) Có được đáp ứng hay không?</p> <p>- Mục tiêu a.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Mục tiêu a.n: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Mục tiêu b.1: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Mục tiêu b.n: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> |
| <p>3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?</p> | <p>a) Duy trì TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>b) Bãi bỏ TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>c) Thay thế TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> |
| <p>4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu CÓ,</p> <p>- Đối với TTHC 1:</p> |

| | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | (i) Nội dung thay đổi:..... (ii) Lý do: - Đối với TTHC n: |
| | (i) Nội dung thay đổi:..... (ii) Lý do: |
| III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC | |
| 1. Tên thủ tục hành chính | |
| Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): |
| 2. Trình tự thực hiện | |
| a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): |
| b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): |
| 3. Cách thức thực hiện | |
| Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): |
| 4. Hồ sơ | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: |

| | |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?</p> | <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p> |
| <p>b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p> |
| <p>5. Thời hạn giải quyết</p> | |
| <p>Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p> |
| <p>Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p> |
| <p>6. Cơ quan giải quyết</p> | |
| <p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p> |
| <p>b) Có thể ủy quyền hoặc phân</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> |

| | |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| cấp thực hiện không? | (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): |
| 7. Đối tượng thực hiện | |
| a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): |
| b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): |
| 8. Phí, lệ phí | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không? | - Phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> |
| b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): |
| c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức lệ phí: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): |

| | |
|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?</p> | <p>- Về chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do:</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p> <p>- Về mức chi phí khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do:</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p> |
| <p>đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do:</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p> |
| <p>9. Mẫu đơn, tờ khai</p> | |
| <p>Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?</p> | <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do:</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p> |
| <p>Mẫu đơn, tờ khai 1:</p> | |
| <p>a) Nội dung thông tin</p> | <p>- Nội dung 1:</p> <p>Cần thiết: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do:</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p> <p>- Nội dung n:</p> <p>Cần thiết: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>(i) Lý do:</p> <p>(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):</p> |
| <p>b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)</p> | <p>Cần thiết: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu KHÔNG, nêu rõ:</p> <p>(i) Lý do:</p> |

| | |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | (ii) Phương án xử lý: |
| c) Ngôn ngữ | Cần thiết: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý: |
| Mẫu đơn, tờ khai n: | |
| 10. Yêu cầu, điều kiện | |
| TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý: |
| Yêu cầu, điều kiện 1: | Có hợp lý, hợp pháp không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): |
| Yêu cầu, điều kiện n: | Có hợp lý, hợp pháp không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): |
| 11. Kết quả thực hiện | |
| a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không? | Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): |
| b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): |
| c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp | Hợp lý: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> ; Hợp pháp: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> (i) Lý do: |

| | |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| không? | (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): |
| 12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định) | |
| a) Luật <input type="checkbox"/> | |
| b) Pháp lệnh <input type="checkbox"/> | |
| c) Nghị định <input type="checkbox"/> | |
| d) Quyết định của TTCP <input type="checkbox"/> | |
| đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch <input type="checkbox"/> | |
| e) Quyết định của Bộ trưởng <input type="checkbox"/> | |
| g) Văn bản khác <input type="checkbox"/> | |
| IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ | |
| Họ và tên người điền: | |
| Điện thoại cố định:; Di động:; Email: | |

HƯỚNG DẪN PHỤ LỤC VII

ĐIỀN BIỂU MẪU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Cơ quan rà soát) điền các thông tin chung về thủ tục hành chính (TTHC) được rà soát: Tên TTHC, mã số hồ sơ TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; lĩnh vực (theo các lĩnh vực đã được phân chia trên Cơ sở dữ liệu quốc gia); văn bản quy định về TTHC (nêu tất cả các văn bản quy định về TTHC này); tên cơ quan hoặc đơn vị thực hiện rà soát.

II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA TTHC

Câu 1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?

Thủ tục hành chính được quy định để đáp ứng các mục tiêu quản lý nhà nước cụ thể; quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức. Do đó, muốn xác định được sự cần thiết của TTHC trước tiên phải xác định TTHC được đặt ra nhằm đạt được mục tiêu cụ thể gì? Nếu không thể xác định được mục tiêu cần đạt được khi quy định TTHC thì rõ ràng TTHC sẽ không cần thiết.

Mục tiêu cụ thể của TTHC được xác định là TTHC này được đặt ra để làm gì? nội dung quản lý nhà nước cần đạt được là gì; quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức cần được đáp ứng là gì? dự kiến tác động như thế nào đối với đời sống xã hội.

Ví dụ: với thủ tục cấp phép quảng cáo thì mục tiêu là quản lý hoạt động quảng cáo để đảm bảo tính trung thực của thông tin quảng cáo đối với người tiêu dùng và đảm bảo việc quảng cáo đúng với thuần phong mỹ tục của Việt Nam.

Đồng thời, Cơ quan rà soát phải xem xét các mục tiêu mà TTHC hướng tới có cần thiết hay không và đưa ra lập luận và bằng chứng chứng minh cho câu trả lời được lựa chọn.

Lưu ý, nếu câu trả lời chỉ chung chung là TTHC được đặt ra nhằm đạt được mục tiêu là thực hiện quản lý nhà nước hoặc để nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước hay đáp ứng quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức là chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc điền Biểu mẫu rà soát, đánh giá.

Câu 2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?

Một trong những tiêu chí quan trọng để xác định sự cần thiết của TTHC là TTHC khi thực hiện phải đạt được mục tiêu đặt ra. Do đó, với mục tiêu được xác định tại Câu 1, Cơ quan rà soát đánh giá xem TTHC khi được thực hiện có sự thay đổi về mục tiêu hoặc có đáp ứng được mục tiêu đặt ra hay không? Nếu có lý do về sự không hiệu quả thì có thể kết luận là TTHC không đáp ứng được mục tiêu đặt ra, do TTHC đó không cần thiết hoặc không hợp lý, không hợp pháp hoặc do mục tiêu của TTHC có sự thay đổi.

Ví dụ: Mục tiêu của cấp phép quảng cáo là quản lý hoạt động quảng cáo để đảm bảo tính trung thực của thông tin quảng cáo đối với người tiêu dùng. Tuy nhiên, nếu có bằng chứng thực tế cho thấy có nhiều thông tin quảng cáo vẫn thiếu tính trung thực thì đó cũng có thể coi là bằng chứng rằng TTHC đó không đáp ứng được mục tiêu đề ra.

Câu hỏi này yêu cầu Cơ quan rà soát phải đưa ra những bằng chứng cụ thể để chứng minh đối với sự lựa chọn câu trả lời của mình.

Câu 3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?

Câu hỏi này, đòi hỏi Cơ quan rà soát thông qua thực tế thực hiện TTHC, nghiên cứu nhằm kết luận sự cần thiết duy trì TTHC hoặc đưa ra phương án bãi bỏ TTHC nếu mục tiêu đặt ra không cần thiết hoặc thay thế, sửa đổi, bổ sung TTHC hay áp dụng các biện pháp khác nếu mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng.

Ngoài ra, do sự thay đổi, phát triển của điều kiện kinh tế - xã hội nên một số TTHC không còn cần thiết nữa nên có thể bị bãi bỏ mà vẫn đảm bảo được mục tiêu quản lý.

Câu 4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?

Câu hỏi này, đòi hỏi Cơ quan rà soát đưa ra được sự thay đổi của các TTHC có liên quan khi áp dụng các biện pháp bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung TTHC hay áp dụng các biện pháp khác để đánh giá những tác động của sự thay đổi TTHC đối với đời sống xã hội, làm căn cứ cho việc đưa ra các phương án xử lý tối ưu.

III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ, HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC

Câu 1. Tên TTHC

Tên TTHC được coi là rõ ràng, thống nhất nếu tên của một TTHC được quy định chính xác và thống nhất trong tất cả các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC đó. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật chỉ quy định về một hoặc một vài bộ phận cấu thành của TTHC (ví dụ: hồ sơ, thời hạn giải quyết, yêu cầu, điều kiện...), tên của TTHC vẫn phải được quy định rõ ràng, cụ thể.

Câu 2. Trình tự thực hiện

Trình tự thực hiện TTHC được coi là rõ ràng nếu xác định rõ các bước phải làm như thế nào và phù hợp với người dân, tổ chức, cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện TTHC.

Câu hỏi này yêu cầu Cơ quan rà soát:

- Xem xét quy định về trình tự thực hiện TTHC này có rõ ràng, cụ thể hay không? nếu không quy định, Cơ quan rà soát nghiên cứu và đề xuất phương án xử lý;

- Trường hợp quy định về các bước trong trình tự thực hiện đã rõ ràng, cụ thể, Cơ quan rà soát nêu rõ mục đích của từng bước trong trình tự thực hiện, trên

cơ sở đó xác định từng bước đó có cần thiết hay không? Có hợp lý hay không? Có hợp pháp không. Nếu các bước xét thấy không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp, Cơ quan rà soát nghiên cứu và đề xuất cụ thể phương án xử lý; đồng thời, xem xét tổng thể các bước trong trình tự thực hiện có được sắp xếp lô-gic và hợp lý hay không? nếu không, Cơ quan rà soát nghiên cứu và đề xuất cụ thể phương án xử lý.

Câu 3. Cách thức thực hiện

Cách thức thực hiện TTHC được coi là rõ ràng nếu xác định rõ cách thức người dân, tổ chức có thể thực hiện TTHC và cách thức cơ quan hành chính nhà nước trả kết quả TTHC.

Câu hỏi này yêu cầu Cơ quan rà soát:

- Xem xét quy định về cách thức thực hiện có rõ ràng, cụ thể hay không? Nếu không, Cơ quan rà soát nghiên cứu và đề xuất phương án xử lý;

- Nếu quy định về cách thức thực hiện đã rõ ràng, cụ thể, Cơ quan rà soát phải xem xét, nghiên cứu có thể thực hiện TTHC bằng các cách thức khác được hay không (như: gửi hồ sơ qua bưu điện; qua e-mail...)?

Câu 4. Hồ sơ

Trên thực tế có những TTHC được quy định không hợp lý về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ nên đã gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC cũng như tạo sự tùy tiện trong giải quyết TTHC của các cơ quan, tổ chức nhà nước. Cụ thể:

- Sự không rõ ràng, không hợp lý thể hiện ở các nội dung sau:

+ Không rõ ràng về hình thức (bản chính, bản sao,...); không rõ ràng về số lượng từng thành phần hồ sơ, số bộ hồ sơ phải nộp; không rõ ràng về các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan phải nộp;...

+ Không hợp lý về nội dung như: hồ sơ bao gồm cả những giấy tờ không thực sự cần thiết cho mục đích việc thực hiện TTHC; phải cung cấp những thông tin mà cá nhân, tổ chức đã nộp để nhận kết quả của TTHC khác mà kết quả này đã được quy định là thành phần hồ sơ hoặc cơ quan nhà nước có thể dễ dàng có được thông qua sự liên thông, phối hợp giữa các cơ quan có liên quan; phải đáp ứng các yêu cầu về thành phần hồ sơ mà trên thực tế rõ ràng không thực hiện được;

+ Không rõ ràng về nội dung các thông tin phải cung cấp vì đơn, tờ khai phải nộp không được mẫu hóa;

- Không hợp pháp như: quy định về thành phần, số lượng hồ sơ trái với quy định của văn bản cấp trên.

Câu hỏi này yêu cầu Cơ quan rà soát đánh giá:

- Về thành phần:

+ Quy định có rõ ràng, cụ thể hay không?

+ Tương ứng với mỗi thành phần hồ sơ, nêu rõ lý do tại sao cần có loại giấy tờ đó trong việc thực hiện thủ tục; tại sao cần số lượng hồ sơ như quy định

cũng như lý do về yêu cầu (*công chứng, chứng thực, xác nhận, bản sao, bản chính...*) cụ thể đối với từng thành phần hồ sơ.

- Về số lượng hồ sơ:

+ Quy định có rõ ràng, cụ thể không?

+ Quy định có hợp lý không?

Nếu một trong các câu trả lời trên là “Không”, Cơ quan rà soát nghiên cứu, đề xuất loại bỏ hoặc phương án xử lý về thành phần, số lượng hồ sơ để giảm gánh nặng cho cá nhân, tổ chức. Đồng thời, Cơ quan rà soát phải nêu rõ lý do cho đề xuất loại bỏ hoặc phương án xử lý.

Câu 5. Thời hạn giải quyết

Việc quy định rõ thời hạn giải quyết TTHC sẽ tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức nhà nước trong giải quyết TTHC.

Câu hỏi này yêu cầu Cơ quan rà soát xác định rõ TTHC:

- Có quy định cụ thể thời gian giải quyết từ phía các cơ quan quản lý hay không? Nếu KHÔNG, cần nghiên cứu để nêu rõ thời hạn giải quyết bao lâu là phù hợp.

- Nếu TTHC đã quy định thời hạn giải quyết thì thời hạn này có hợp lý hay không? Nếu KHÔNG cần nêu rõ lý do? Thời hạn này có thể rút ngắn được hay không? Nếu có thể rút ngắn thì thời hạn bao lâu là phù hợp?

- Thời hạn đã quy định có trái hoặc mâu thuẫn với văn bản của cơ quan cấp trên hay không?

Câu 6. Cơ quan giải quyết

Trong câu hỏi này, Cơ quan rà soát cần xem xét quy định về cơ quan thực hiện TTHC như hiện hành có còn hợp lý, hợp pháp không. Để trả lời được nội dung này, Cơ quan rà soát cần:

- Xem xét có thể áp dụng các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới thực hiện TTHC này hay không?

- Xem xét việc quy định cơ quan thực hiện TTHC có đúng thẩm quyền theo pháp luật hiện hành không?

Câu 7. Đối tượng thực hiện

Để trả lời câu này, Cơ quan rà soát cần:

- Xem xét tính hợp lý của quy định về đối tượng tuân thủ TTHC và phạm vi điều chỉnh (có tạo ra sự phân biệt giữa các vùng miền hoặc các lĩnh vực không? Có tạo sự phân biệt giữa các cá nhân với nhau, giữa cá nhân với tổ chức không? Có tạo ra sự phân biệt giữa cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài với cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam không?). Nếu thấy quy định về đối tượng tuân thủ không hợp lý thì nêu rõ lý do và phương án xử lý.

- Xem xét tính hợp pháp của quy định về đối tượng tuân thủ TTHC và phạm vi điều chỉnh (có trái với văn bản của cơ quan cấp trên không? Có trái với

các điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết không?). Nếu thấy quy định về đối tượng tuân thủ không hợp pháp thì nêu rõ lý do và phương án xử lý.

Câu 8. Phí, lệ phí

Nếu TTHC có quy định về phí, lệ phí hoặc chi phí khác, Cơ quan rà soát cần:

- Xem xét quy định về phí, lệ phí hoặc chi phí khác có hợp lý không (mang tính bắt buộc có đúng không? mức phí, lệ phí là cao hay thấp? mức phí có phù hợp với đặc điểm từng vùng và thông lệ quốc tế không?). Nếu thấy quy định không hợp lý thì nêu rõ lý do và phương án xử lý.

- Xem xét quy định về phí, lệ phí hoặc chi phí khác có hợp pháp không (có đúng thẩm quyền, có trái với văn bản của cơ quan cấp trên không?). Nếu thấy quy định không hợp pháp thì nêu rõ lý do và phương án xử lý.

Câu 9. Mẫu đơn, tờ khai

- Nếu mẫu đơn, mẫu tờ khai đã được quy định thì rà soát từng nội dung thông tin trong mẫu đơn, mẫu tờ khai xem có cần thiết, hợp lý hợp, pháp không và đưa ra lý do và phương án sửa đổi, bổ sung đối với những nội dung không còn phù hợp. Để trả lời câu hỏi này, Cơ quan rà soát cần:

+ Xem xét từng nội dung thông tin quy định tại mẫu đơn, tờ khai xem có rõ ràng không; tại sao phải có thông tin đó; thông tin có cần thiết cho việc giải quyết thủ tục hay không; thông tin yêu cầu có thực tế hay không có trùng lặp với các thông tin có trong các thành phần hồ sơ khác phải nộp hoặc trong hồ sơ lưu của cơ quan giải quyết TTHC (hồ sơ của TTHC khác có liên quan);

+ Xem xét yêu cầu xác nhận (nếu có) của mẫu đơn, tờ khai có cần thiết hay không, cơ quan có thẩm quyền xác nhận có phù hợp với quy định của pháp luật không? Nội dung xác nhận có đảm bảo yêu cầu quản lý không;

+ Xem xét thể thức, ngôn ngữ của mẫu đơn, mẫu tờ khai có tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức không.

- Nếu mẫu đơn, mẫu tờ khai chưa được quy định, mẫu hóa thì nêu lý do và phương án xử lý (nếu cần).

Câu 10. Yêu cầu, điều kiện

Nếu TTHC có quy định về yêu cầu, điều kiện, Cơ quan rà soát cần:

- Tương ứng với mỗi yêu cầu hoặc điều kiện của thủ tục, xem xét lý do tại sao cần có yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện thủ tục. Nếu thấy yêu cầu hoặc điều kiện không còn cần thiết thì nêu rõ lý do và phương án xử lý.

- Tương ứng với mỗi yêu cầu hoặc điều kiện của thủ tục, xem xét yêu cầu hoặc điều kiện có hợp lý không (có đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện đối với cá nhân, tổ chức và công chức thực thi không? yêu cầu hoặc điều kiện này có trùng lặp với các yêu cầu, điều kiện khác mà cá nhân, tổ chức đã thực hiện không?). Nếu thấy yêu cầu hoặc điều kiện không hợp lý thì nêu rõ lý do và phương án xử lý.

- Tương ứng với mỗi yêu cầu hoặc điều kiện của thủ tục, xem xét yêu cầu hoặc điều kiện có hợp pháp không (có được quy định đúng thẩm quyền không?)

Có trái với văn bản của cơ quan cấp trên không? Có hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức không). Nếu thấy yêu cầu hoặc điều kiện không hợp pháp thì nêu rõ lý do và phương án xử lý.

Câu 11. Kết quả thực hiện

Nếu TTHC có quy định về kết quả của việc thực hiện TTHC, Cơ quan rà soát cần:

- Xem xét thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả có cần thiết không? Có hợp lý không? (việc không quy định thời hạn có hiệu lực của kết quả có đảm bảo mục tiêu quản lý không? thời hạn có hiệu lực của kết quả của thủ tục đã là tối đa chưa? Có thể kéo dài được nữa không?). Nếu thấy quy định không cần thiết, không hợp lý thì nêu rõ lý do và phương án xử lý.

- Xem xét thời hạn có hiệu lực của kết quả có hợp pháp không (quy định có đúng thẩm quyền không? Có trái với văn bản của cơ quan cấp trên không?).

Câu 12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung

Tại câu này, Cơ quan rà soát tổng hợp các phương án xử lý từ Câu 1 đến Câu 11 để nêu rõ văn bản cần sửa đổi, bổ sung: Tên loại; số ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định.

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi rõ thông tin của người trực tiếp điền Biểu mẫu rà soát, đánh giá TTHC, giúp Cơ quan tổng hợp có thể trao đổi trong quá trình tổng hợp./.